

Số: /SNV-CCHC&VTLT

Đồng Nai, ngày tháng 01 năm 2026

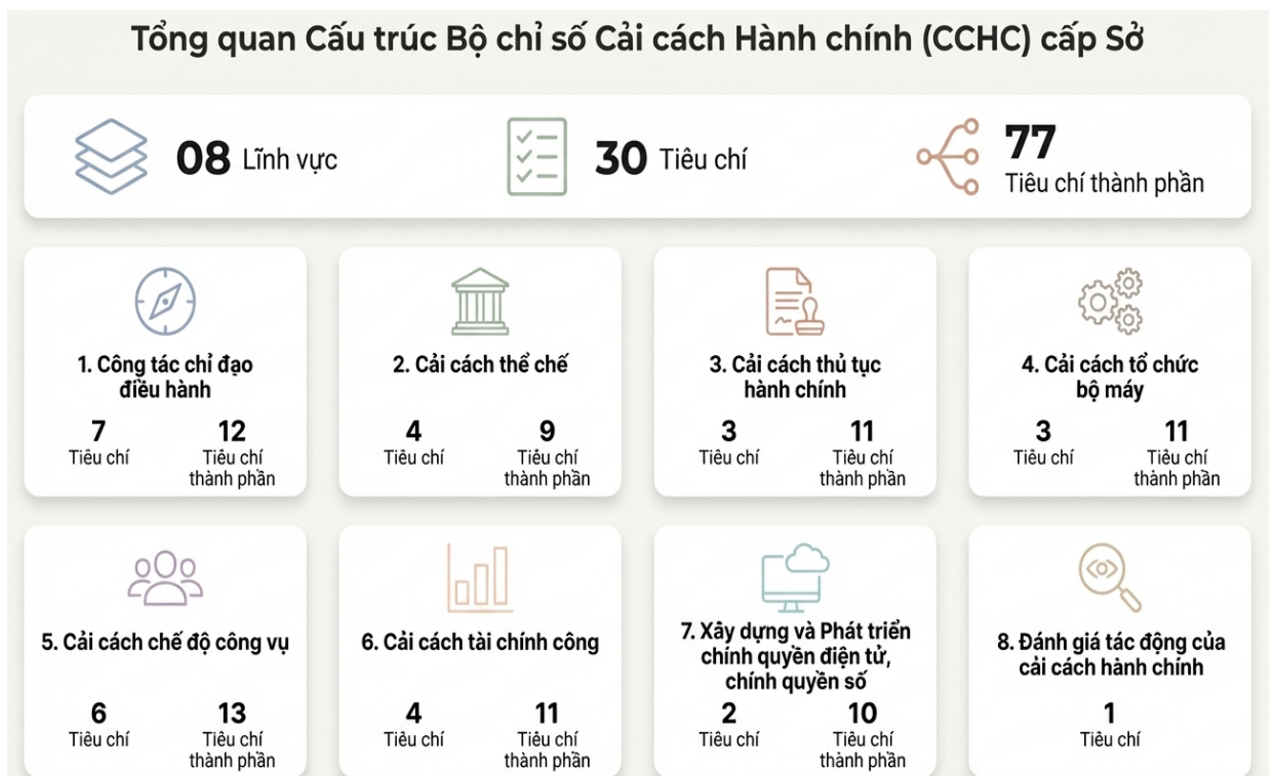
V/v kết quả đánh giá chỉ số cải
cách hành chính các Sở ngành,
UBND cấp xã năm 2025

Kính gửi: Chủ tịch UBND tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Bộ chỉ số cải cách hành chính năm 2025; Sở Nội vụ báo cáo kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính năm 2025, như sau:

I. CẤU TRÚC BỘ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

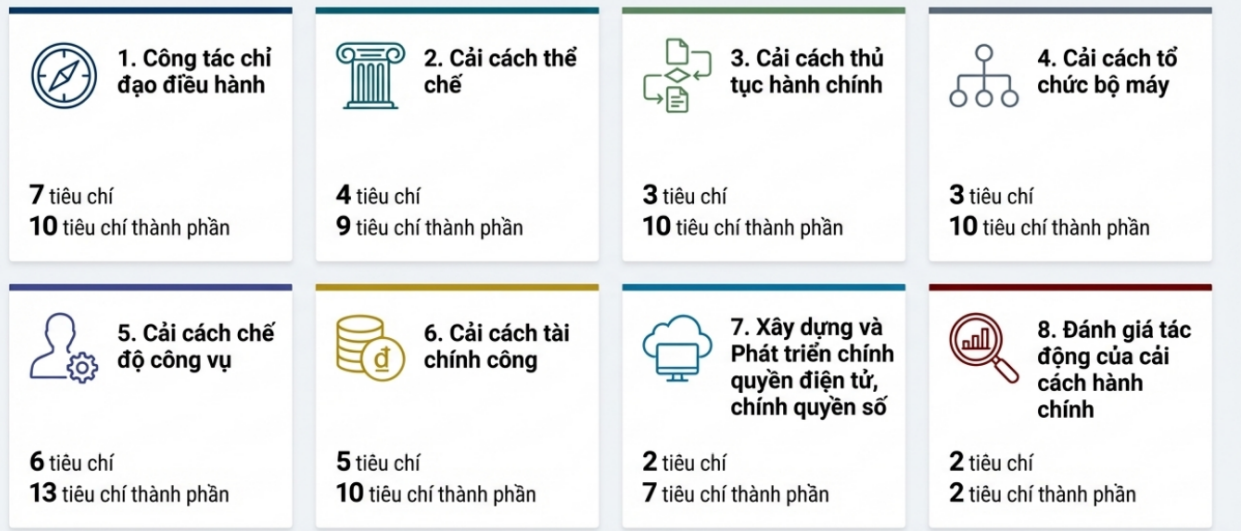
1. Cấu trúc của Bộ chỉ số CCHC cấp Sở: Gồm có 08 lĩnh vực, 30 tiêu chí và 77 tiêu chí thành phần, cụ thể:



2. Cấu trúc của Bộ chỉ số CCHC các xã, phường: Gồm có 08 lĩnh vực, 32 tiêu chí và 71 tiêu chí thành phần, cụ thể:

Cấu trúc Bộ chỉ số Cải cách hành chính (CCHC) cấp xã

Tổng quan 08 lĩnh vực, 32 tiêu chí, và 71 tiêu chí thành phần



II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Đối tượng đánh giá

Bộ Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 thực hiện đánh giá đối với 15 Sở, ngành (bao gồm Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế) và 95 UBND xã, phường nhằm phù hợp với việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; trong đó, thực hiện đánh giá, xếp hạng đối với 04 đơn vị đặc thù: Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế (Năm 2024 có đánh giá để làm cơ sở đánh giá công vụ nhưng không thực hiện xếp hạng đối với các đơn vị này).

2. Phương pháp đánh giá chỉ số

a) Tự đánh giá: Các đơn vị, địa phương tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của Sở, ngành, UBND xã, phường theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Bộ chỉ số cải cách hành chính năm 2025 và hướng dẫn đánh giá của Sở Nội vụ tại Văn bản số 2017/SNV-CCHC&VTLT ngày 15/8/2025.

Sở Nội vụ phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các Sở: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Tài chính tiến hành thẩm định kết quả tự đánh giá chỉ số của các đơn vị, địa phương.

b) Đánh giá thông qua điều tra xã hội học: Việc điều tra xã hội học được tiến hành thông qua phát phiếu khảo sát, lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối

tượng khác nhau; phiếu khảo sát được gửi tới email, Zalo của đối tượng khảo sát là cán bộ, công chức và người dân, doanh nghiệp.

3. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá Bộ chỉ số CCHC cấp Sở là 100 điểm, trong đó, điểm đánh giá thông qua điều tra xã hội học là 29,5 điểm. Thang điểm đánh giá Bộ chỉ số CCHC của UBND các xã, phường là 100 điểm, trong đó, điểm đánh giá thông qua điều tra xã hội học là 28 điểm. Đối với các tiêu chí không thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc không thuộc đối tượng đánh giá thì thực hiện chức năng hạ chuẩn (*tiêu chí này sẽ không được tính điểm, đồng thời số điểm đạt được sẽ tính toán theo tỷ lệ điểm đạt được thay vì tổng điểm 100 để đảm bảo tính công bằng, khách quan giữa các đơn vị*).

III. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CCHC NĂM 2025

1. Công tác tự đánh giá, chấm điểm và thẩm định

Thực hiện Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 12/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai xác định Bộ chỉ số cải cách hành chính năm 2025; ngày 15/8/2025, Sở Nội vụ có Văn bản số 02017/SNV-CCHC&VTLT về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm để xác định chỉ số cải cách hành chính cấp sở, cấp xã năm 2025, theo đó, đề nghị các đơn vị, địa phương gửi kết quả tự chấm điểm chậm nhất trước 24 giờ 00 ngày 25/11/2025.

Từ ngày 25/11/2025, Sở Nội vụ phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các Sở: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Tài chính tiến hành thẩm định lần 1 kết quả tự đánh giá chỉ số của các đơn vị, địa phương. Trong quá trình thẩm định, có một số đơn vị, địa phương cung cấp tài liệu kiểm chứng chưa đầy đủ hoặc nội dung giải trình chưa phù hợp; do đó, Sở Nội vụ đã có Văn bản số 7310/SNV-CCHC&VTLT ngày 08/12/2025 đề nghị các đơn vị, địa phương giải trình bổ sung, cập nhật tài liệu kiểm chứng phù hợp.

Sau khi các đơn vị, địa phương hoàn thành việc cập nhật bổ sung tài liệu kiểm chứng trên phần mềm và thành viên Tổ thẩm định kết thúc việc thẩm định lần 2, gửi phiếu thẩm định các tiêu chí, tiêu chí thành phần theo lĩnh vực được phân công, Sở Nội vụ tổng hợp kết quả báo cáo và tham mưu Chủ tịch UBND

tỉnh ban hành Quyết định công bố chỉ số cải cách hành chính các Sở, ban ngành, UBND cấp xã năm 2025.

2. Điều tra xã hội học

a) Đối tượng và số lượng mẫu điều tra xã hội học

- *Đối tượng là cán bộ, công chức (3.225 phiếu)*

+ Cấp Sở, ngành (**375 phiếu**): Đối tượng tham gia khảo sát là lãnh đạo, công chức làm việc tại các phòng, ban chuyên môn (tương đương) thuộc 15 Sở, ngành (**25 phiếu/đơn vị**).

+ Cấp xã (**2.850 phiếu**): Đối tượng tham gia khảo sát là đại biểu HĐND cấp xã (12 phiếu/địa phương); Lãnh đạo UBND, công chức làm việc tại các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND xã, phường (**18 phiếu/địa phương**).

- *Đối tượng là người dân, doanh nghiệp*: Tổ chức khảo sát đối với 3.240 người dân, doanh nghiệp có liên hệ giải quyết TTHC. Phiếu khảo sát được phân bổ khoa học dựa trên tỷ lệ khối lượng công việc thực tế (*số lượng hồ sơ TTHC đã giải quyết*) của từng đơn vị, địa phương để đảm bảo tính đại diện thống kê; trong đó, tại 13 Sở, ngành (*trừ Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh*) thực hiện 390 phiếu khảo sát; tại 95 xã, phường thực hiện 2.850 phiếu khảo sát (nội dung này có báo cáo riêng).

Như vậy, tổng số phiếu khảo sát các nhóm đối tượng phục vụ xác định chỉ số CCHC năm 2025 là **6.465 phiếu**.



b) Tổ chức điều tra xã hội học

Phương thức tổ chức điều tra xã hội học xác định chỉ số CCHC năm 2025 thực hiện thông qua các phiếu khảo sát điện tử được thực hiện trực tiếp trên phần mềm, gửi đến địa chỉ hộp thư hoặc Zalo cá nhân. Để thực hiện nội dung này, Sở Nội vụ đã phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, địa phương triển khai các nhiệm vụ sau:

- Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 12/8/2025 về việc triển khai xác định Bộ Chỉ số cải cách hành chính năm 2025; đồng thời, ban hành Kế hoạch số 019/KH-SNV ngày 14/8/2025 về việc triển khai phương án điều tra xã hội học phục vụ xác định Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh năm 2025; phối hợp lập danh sách cán bộ, công chức tham gia trả lời phiếu điều tra xã hội học phục vụ xác định Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường năm 2025¹.

- Thực hiện khảo sát: Cuộc khảo sát được thực hiện trực tuyến trên Hệ thống theo dõi, đánh giá xác định Chỉ số cải cách hành chính các cấp tại địa chỉ: <http://cchc.dongnai.gov.vn>. Phiếu khảo sát được gửi tới hộp thư điện tử (Email) của cán bộ, công chức được chọn tham gia điều tra xã hội học từ ngày 01/10/2025 đến hết ngày 05/10/2025. Cán bộ, công chức thực hiện trả lời khảo sát và gửi phiếu khảo sát chậm nhất đến 17 giờ 00 ngày 15/10/2025. Sau thời hạn này, hệ thống sẽ tự động khóa và không tiếp nhận thêm kết quả khảo sát.

c) Kết quả trả lời phiếu

Có 3.225/3.225 số phiếu trả lời (tỷ lệ 100%), trong đó, cấp Sở trả lời 375/375 phiếu; cấp xã trả lời 2.850/2.850 phiếu, kết quả cụ thể:

- Nhóm 01: Khảo sát, đánh giá hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành đối với công tác cải cách hành chính:

- + Tại cấp Sở có điểm trung bình đạt 3,63/04 điểm (tỷ lệ trung bình 90,75% - tăng 0,08 điểm, tăng 02% so với năm 2024); trong đó, có 07/15² đơn vị có chỉ

¹ Văn bản số 02101/SNV-CCHC&VTLT ngày 18/8/2025 và Văn bản số 03000/SNV-CCHC&VTLT ngày 09/9/2025 về việc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp danh sách cán bộ, công chức tham gia trả lời phiếu điều tra xã hội học phục vụ xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2025.

² Các Sở, ngành: Giáo dục và Đào tạo; Ngoại vụ; Tư pháp; Khoa học và Công nghệ; Văn hóa – Thể thao và Du lịch; Dân Tộc và Tôn giáo; BQL các Khu công nghiệp, Khu kinh tế.

số dưới mức trung bình, Sở Tài chính có điểm khảo sát cao nhất (3,86/04 điểm), Sở Dân tộc và Tôn giáo có điểm khảo sát thấp nhất (3,43/04 điểm).

+ Tại cấp xã có điểm trung bình đạt 3,41/04 điểm (tỷ lệ trung bình 85,25% - giảm 0,09 điểm, giảm 2,25% so với năm 2024); trong đó, có 53/95 đơn vị có chỉ số dưới mức trung bình³, UBND xã Long Hà có điểm khảo sát cao nhất (04/04 điểm), UBND phường Tam Hiệp có điểm khảo sát thấp nhất (3,04/04 điểm).

Nhóm 01: Hiệu quả Công tác Chỉ đạo & Điều hành	
CẤP SỞ	CẤP XÃ
Điểm Trung Bình 3,63 / 4,00 (90,75%)	Điểm Trung Bình 3,41 / 4,00 (85,25%)
So với 2024 ▲ +0,08 điểm (+2%)	So với 2024 ▼ -0,09 điểm (-2,25%)
Đơn vị cao nhất: Sở Tài chính (3,86 điểm) Đơn vị thấp nhất: Sở Dân tộc và Tôn giáo (3,43 điểm)	Đơn vị cao nhất: UBND xã Long Hà (4,00 điểm) Đơn vị thấp nhất: UBND phường Tam Hiệp (3,04 điểm)
<i>Ghi chú: 7 trên 15 đơn vị có chỉ số dưới mức trung bình.</i>	<i>Ghi chú: 53 trên 95 đơn vị có chỉ số dưới mức trung bình.</i>

- Nhóm 02: Khảo sát, đánh giá chất lượng công tác cải cách thể chế trong phạm vi quản lý nhà nước của Sở, ban ngành:

+ Tại cấp Sở có điểm trung bình đạt 2,44/03 điểm (tỷ lệ trung bình 81,33% - giảm 0,44 điểm, giảm 14,67% so với năm 2024); trong đó, có 05/15 đơn vị có chỉ số dưới mức trung bình⁴, Sở Tài chính có điểm khảo sát cao nhất (2,74/03 điểm), Sở Khoa học và Công nghệ có điểm khảo sát thấp nhất (2,1/03 điểm).

+ Tại cấp xã có điểm trung bình đạt 2,24/03 điểm (tỷ lệ trung bình 74,66% - giảm 0,63 điểm, giảm 21% so với năm 2024); trong đó, có 51/95 đơn vị có chỉ

³ Các xã, phường: Long Thành, Minh Đức, Xuân Lộc, Xuân Đường, Xuân Thành, Chơn Thành, Long Khánh, An Viễn, Tân Triều, Lộc Hưng, Thọ Sơn, Định Quán, Xuân Bắc, Phú Nghĩa, Tân Tiến, Phước Thái, Bảo Vinh, Tân Hưng, Lộc Thạnh, Phú Lâm, Minh Hưng, Tân Lợi, Nhơn Trạch, La Ngà, Tân Phú, Tam Phước, Đồng Phú, Xuân Quế, Long Phước, Nha Bích, Lộc Tấn, Phú Vinh, Hưng Phước, Bom Bo, Trấn Biên, Thuận Lợi, Phú Hòa, Hàng Gòn, Long Hưng, Sông Ray, Bình An, Biên Hòa, Đắc O, Đắc Nhau, Lộc Quang, Đắc Lua, Thanh Sơn, Hồ Nai, Phước Tân, Bàu Hàm, Thống Nhất, Tam Hiệp.

⁴ Các Sở: Công Thương, Dân tộc và Tôn giáo, Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, BQL các Khu công nghiệp, Khu kinh tế.

số dưới mức trung bình⁵, UBND xã Long Hà có điểm khảo sát cao nhất (03/03 điểm), UBND xã Đăk Ô có điểm khảo sát thấp nhất (1,41/03 điểm).

- Nhóm 03: Khảo sát, đánh giá tác động đến tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

+ Tại cấp Sở có điểm trung bình đạt 2,5/03 điểm (tỷ lệ trung bình 83,33% - giảm 0,08 điểm, giảm 2,67% so với năm 2024); trong đó, có 06/15 đơn vị có chỉ số dưới mức trung bình⁶, Sở Xây dựng có điểm khảo sát cao nhất (2,62/03 điểm), BQL các Khu công nghiệp, Khu kinh tế có điểm khảo sát thấp nhất (2,44/03 điểm).

+ Tại cấp xã có điểm trung bình đạt 2,3/03 điểm (tỷ lệ trung bình 76,66% - giảm 0,44 điểm, giảm 14,67% so với năm 2024); trong đó, có 53/95 đơn vị có chỉ số dưới mức trung bình⁷, UBND xã Long Hà có điểm khảo sát cao nhất (03/03 điểm), UBND các xã: La Ngà, Bình An có điểm khảo sát thấp nhất (1,87/03 điểm).

- Nhóm 04: Khảo sát, đánh giá tác động của công tác cải cách hành chính đến cải cách chế độ công vụ:

+ Tại cấp Sở có điểm trung bình đạt 3,44/04 điểm (tỷ lệ trung bình 86% - giảm 0,08 điểm, giảm 02% so với năm 2024); trong đó, có 07/15 đơn vị có chỉ số dưới mức trung bình⁸,

Sở Tài chính có điểm khảo sát cao nhất (3,76/04 điểm), Sở Khoa học và Công nghệ có điểm khảo sát thấp nhất (3,06/04 điểm).

Nhóm 04: Tác động đến Cải cách Chế độ Công vụ	
CẤP SỞ	CẤP XÃ
Điểm Trung Bình 3,44 / 4,00 (86%)	Điểm Trung Bình 3,16 / 4,00 (79%)
So với 2024 ▼ -0,08 điểm (-2%)	So với 2024 ▼ -0,45 điểm (-11,25%)
Đơn vị cao nhất: Sở Tài chính (3,76 điểm) Đơn vị thấp nhất: Sở Khoa học và Công nghệ (3,06 điểm)	Đơn vị cao nhất: UBND xã Long Hà (4,00 điểm) Đơn vị thấp nhất: UBND xã Thanh Sơn (2,67 điểm)
Ghi chú: 7 trên 15 đơn vị có chỉ số dưới mức trung bình.	Ghi chú: 56 trên 95 đơn vị có chỉ số dưới mức trung bình.

⁵ Các xã, phường: Tân Lợi, Phước Tân, Bình Lộc, Bình Tân, Xuân Lập, Trảng Dài, Phú Nghĩa, Nam Cát Tiên, Minh Hưng, Long Khánh, Phú Vinh, Tân Khai, Long Phước, Long Bình, Xuân Phú, Đồng Phú, Long Thành, Hàng Gòn, Bàu Bè, Thọ Sơn, Lộc Tấn, Tân Tiến, Xuân Bắc, Sông Ray, Lộc Thành, Tân Hưng, Đăk Lư, Tam Phước, Hưng Phước, Nha Bích, Trần Biên, Xuân Quê, Lộc Quang, Tân Phú, Xuân Đường, An Viễn, Phước Thái, Biên Hòa, Bình An, Nhơn Trạch, Thanh Sơn, La Ngà, Phú Lâm, Long Hưng, Hồ Nai, Tam Hiệp, Bàu Hàm, Phú Hòa, Đăk Nhau, Thuận Lợi, Đăk Ô.

⁶ Các Sở: Ngoại vụ, Nội vụ, Tư pháp, Dân tộc và Tôn giáo, Xây dựng, BQL các Khu công nghiệp, Khu kinh tế.

⁷ Các xã, phường: Chơn Thành, Minh Đức, Thọ Sơn, Bình Lộc, Lộc Quang, Minh Hưng, Tam Phước, Bù Đăng, Xuân Đường, Thống Nhất, An Viễn, Phú Lý, Tân Hưng, Xuân Định, Long Bình, Phước Tân, Bảo Vinh, Xuân Phú, Hưng Phước, Trảng Dài, Nha Bích, Long Phước, Long Khánh, Sông Ray, Long Thành, Định Quán, Lộc Thành, Tân Triều, Nhơn Trạch, Lộc Tấn, Hàng Gòn, Thuận Lợi, Phước Thái, Phú Vinh, Trần Biên, Đồng Phú, Phú Lâm, Bàu Hàm, Nam Cát Tiên, Xuân Bắc, Biên Hòa, Tân Phú, Đăk Nhau, Hồ Nai, Thanh Sơn, Đăk Lư, Long Hưng, Xuân Quê, Đăk Ô, Phú Hòa, Tam Hiệp, La Ngà, Bình An.

⁸ Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Thanh tra tỉnh, Ngoại vụ, Dân tộc và Tôn giáo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, BQL các Khu công nghiệp, Khu kinh tế.

+ Tại cấp xã có điểm trung bình đạt 3,16/04 điểm (tỷ lệ trung bình 79% - giảm 0,45 điểm, giảm 11,25% so với năm 2024); trong đó, có 56/11 đơn vị có chỉ số dưới mức trung bình⁹, UBND xã Long Hà có điểm khảo sát cao nhất (04/04 điểm), UBND xã Thanh Sơn có điểm khảo sát thấp nhất (2,67/04 điểm).

- Nhóm 05: Khảo sát, đánh giá tác động của công tác cải cách hành chính đến quản lý tài chính công:

+ Tại cấp Sở có điểm trung bình đạt 3,3/04 điểm (tỷ lệ trung bình 82,5%, giảm 5,8% so với năm 2024); trong đó, có 05/15 đơn vị có chỉ số dưới mức trung bình¹⁰, Sở Tài chính có điểm khảo sát cao nhất (3,73/04 điểm), Sở Khoa học và Công nghệ có điểm khảo sát thấp nhất (2,82/04 điểm).

+ Tại cấp xã có điểm trung bình đạt 3,14/04 điểm (tỷ lệ trung bình 78,5%, giảm 10,16% so với năm 2024); trong đó, có 52/95 đơn vị có chỉ số dưới mức trung bình¹¹, UBND xã Long Hà có điểm khảo sát cao nhất (04/04 điểm), UBND xã Bình An có điểm khảo sát thấp nhất (2,64/03 điểm).

- Nhóm 06: Đánh giá tác động của công tác cải cách hành chính đến xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số được thực hiện thông qua việc khảo sát chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Sở, ngành; theo đó, điểm trung bình đạt 1,13/1,5 điểm (tỷ lệ trung bình đạt 75,33%); trong đó, 8/15 đơn vị có chỉ số dưới trung bình¹², Sở Tài chính có điểm khảo sát cao nhất (1,29/1,5 điểm), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có điểm khảo sát thấp nhất (01/1,5 điểm).

d) Đánh giá kết quả khảo sát

⁹ Các xã, phường: Bù Đăng, Bình Long, Nam Cát Tiên, Phú Nghĩa, Tân Hưng, Tân Khai, Xuân Lập, Minh Hưng, Bom Bo, Thọ Sơn, Tân Tiến, Hưng Phước, Nha Bích, Định Quán, Tân Lợi, An Viễn, Phước Thái, Xuân Phú, Sông Ray, Lộc Quang, Phú Vinh, Trảng Dài, Nhơn Trạch, Tam Phước, Thống Nhất, Tân Triều, Biên Hòa, Long Thành, Bảo Vinh, Bình Lộc, Tân Phú, Long Khánh, Lộc Thạnh, Đak Nhau, Trấn Biên, Long Bình, Xuân Đường, Long Phước, Phú Lâm, Đồng Phú, Phước Tân, Hàng Gòn, La Ngà, Phú Hòa, Xuân Bắc, Thuận Lợi, Đak O, Lộc Tấn, Hồ Nai, Đak Lua, Xuân Quế, Bàu Hàm, Long Hưng, Bình An, Tam Hiệp, Thanh Sơn.

¹⁰ Các Sở: Ngoại vụ, Dân tộc và Tôn giáo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, BQL các Khu công nghiệp, Khu kinh tế.

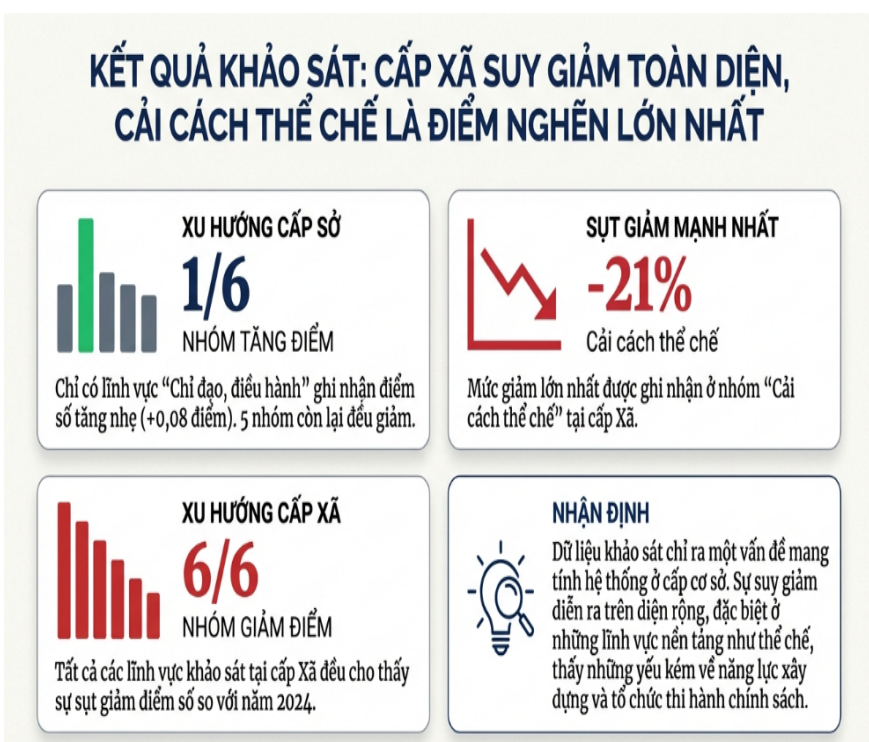
¹¹ Các xã, phường: Minh Đức, An Viễn, Bom Bo, Tân Khai, Thọ Sơn, Tân Lợi, Lộc Thạnh, Minh Hưng, Xuân Bắc, Đại Phước, Long Bình, Xuân Quế, Tân Hưng, Định Quán, Gia Kiệm, Hưng Phước, Trảng Dài, Hàng Gòn, Tân Tiến, Phú Vinh, Xuân Phú, Long Khánh, Phước Thái, Tân Triều, Long Phước, Nam Cát Tiên, Tân Phú, Thống Nhất, Long Thành, Đồng Phú, Phú Lâm, Lộc Quang, Phước Tân, Thanh Sơn, Long Hưng, Nha Bích, Sông Ray, Đak Lua, Tam Phước, Biên Hòa, Trấn Biên, Đak Nhau, Lộc Tấn, Bàu Hàm, Thuận Lợi, La Ngà, Phú Hòa, Nhơn Trạch, Đak O, Tam Hiệp, Hồ Nai, Bình An.

¹² Các Sở, ngành: Giáo dục và Đào tạo, Văn phòng UBND tỉnh, Dân tộc và Tôn giáo, Khoa học và Công nghệ, Thanh tra tỉnh, Ngoại vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, BQL các Khu công nghiệp, Khu kinh tế.

Qua kết quả khảo sát, có thể nhận thấy công tác cải cách hành chính trong năm đánh giá đã được triển khai đồng bộ, với tỷ lệ tham gia khảo sát đạt 100% ở cả cấp Sở và cấp xã, phản ánh mức độ quan tâm và tinh thần trách nhiệm cao của các đơn vị trong việc tự đánh giá chất lượng điều hành, quản lý.

Ở cấp Sở, ngành đã duy trì được mặt bằng điểm số tương đối cao ở nhiều nhóm nội dung, đặc biệt là Nhóm 01 (chỉ đạo, điều hành CCHC) và Nhóm 04 (cải cách chế độ công vụ), cho thấy vai trò dẫn dắt, định hướng của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đã phát huy được hiệu quả tích cực. Tuy nhiên, một số nhóm như cải cách thể chế (Nhóm 02), tổ chức bộ máy (Nhóm 03) có xu hướng giảm điểm so với năm 2024, phản ánh những khó khăn trong việc hoàn thiện quy định, sắp xếp tổ chức và nâng cao chất lượng cung cấp thông tin số.

Đối với cấp xã, điểm trung bình ở hầu hết các nhóm đều thấp hơn cấp Sở và giảm khá rõ so với năm 2024, đồng thời số lượng đơn vị có chỉ số dưới mức trung bình còn lớn. Điều này cho thấy CCHC ở cơ sở vẫn còn những yếu kém



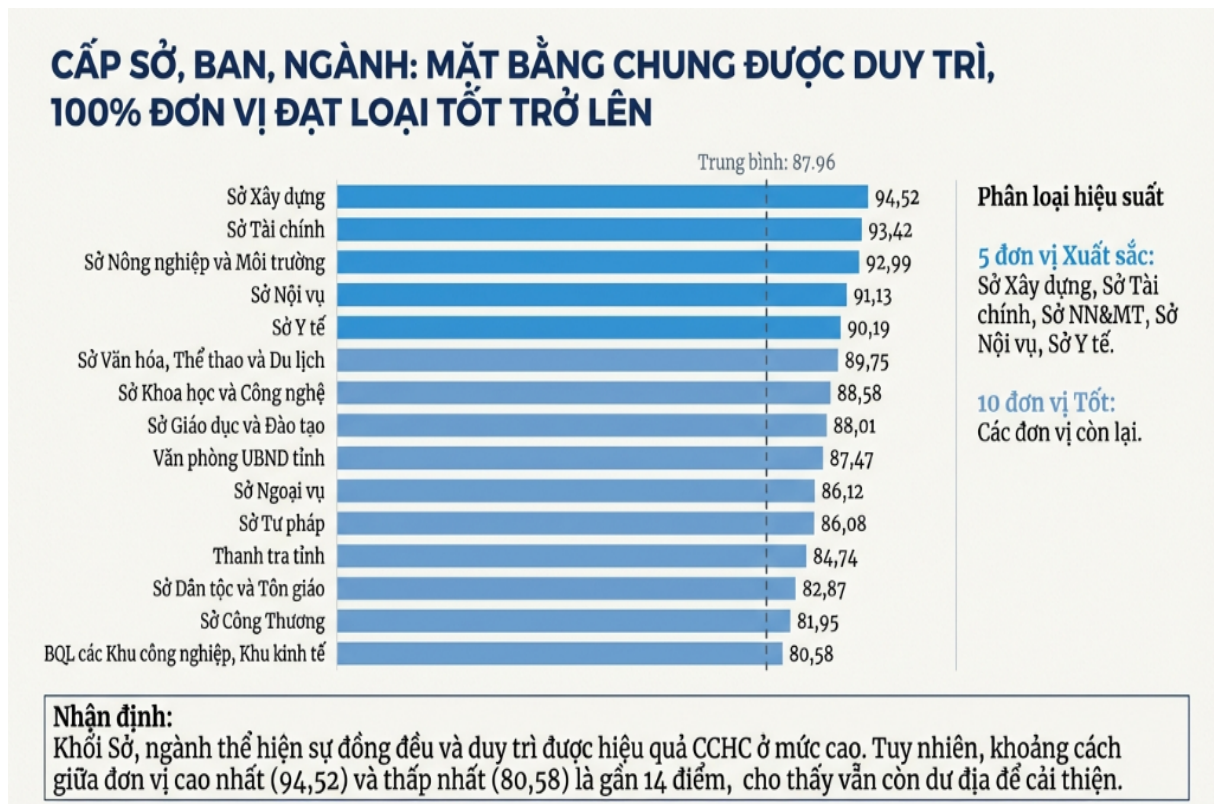
nhất định, chịu tác động mạnh bởi hạn chế về nguồn nhân lực, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và điều kiện tổ chức thực hiện. Tuy vậy, vẫn xuất hiện nhiều địa phương đạt điểm cao ở nhiều nhóm¹³, cho thấy nếu có quyết tâm và cách làm phù hợp, hiệu quả CCHC hoàn toàn có thể được cải thiện rõ rệt.

II. Kết quả thẩm định chỉ số cải cách hành chính

1. Kết quả chung năm 2025

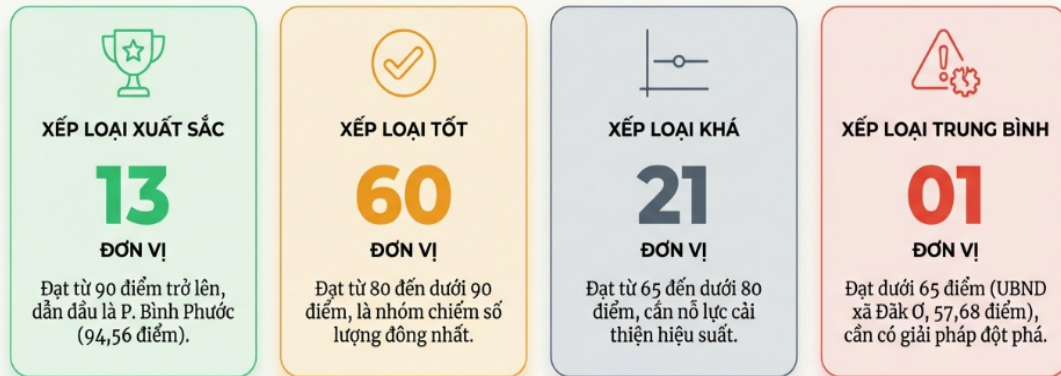
¹³ Các xã, phường: Long Hà, Đa Kia, Thiện Hưng, Dầu Giây, Bình Phước...

a) Chỉ số cải cách hành chính trung bình của các Sở, ban ngành năm 2025 đạt 87,96 điểm; giảm 0,45 điểm so với năm 2024 (88,41 điểm); trong đó, cao nhất là Sở Xây dựng (94,52 điểm) và thấp nhất là Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế (80,58 điểm); 05/15 đơn vị đạt loại xuất sắc, 10/15 đơn vị đạt loại tốt.



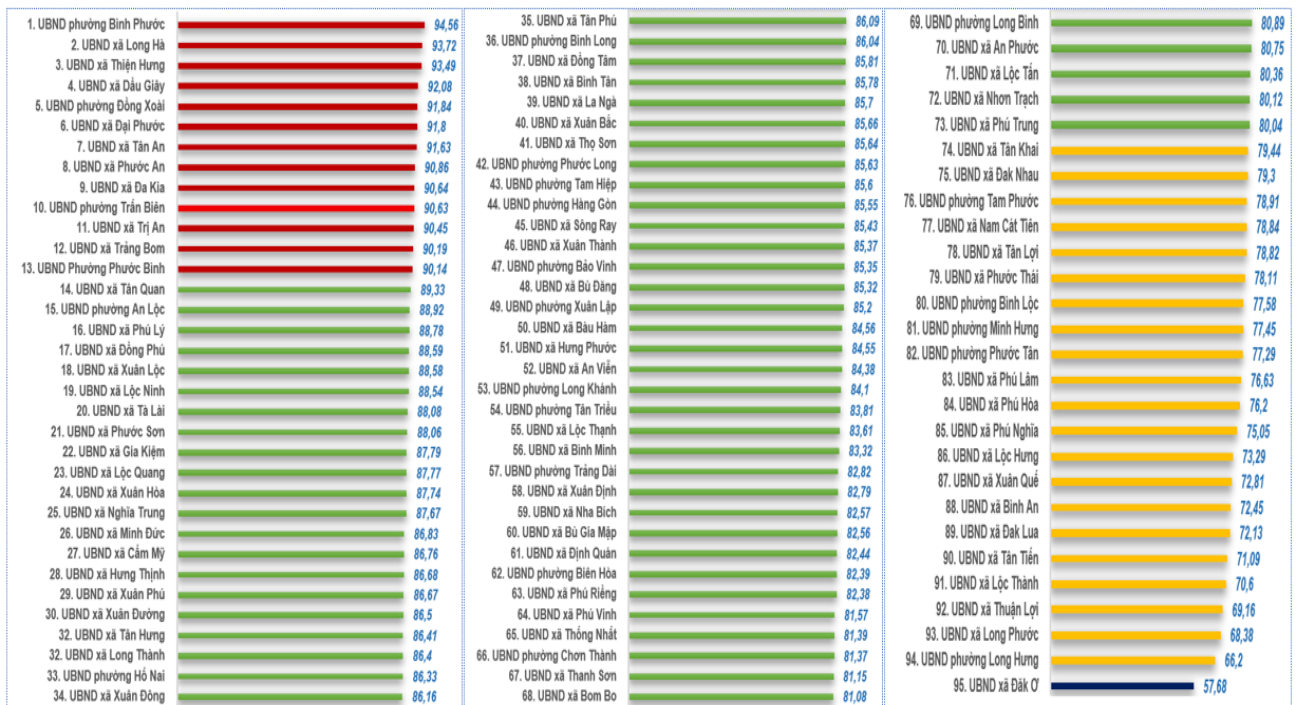
b) Chỉ số cải cách hành chính trung bình của các xã, phường năm 2025 đạt 83,34 điểm, giảm 6,3 điểm so với năm 2024 (89,64 điểm); trong đó, cao nhất là UBND phường Bình Phước đạt 94,56 điểm, thấp nhất là UBND xã Đăk Ô đạt 57,68 điểm. Có 13/95 địa phương xếp loại xuất sắc, 60/95 địa phương xếp loại tốt, 21/95 địa phương xếp loại khá, 01/95 địa phương xếp loại trung bình.

CẤP XÃ, PHƯỜNG: KẾT QUẢ PHÂN HÓA MẠNH, XUẤT HIỆN ĐƠN VỊ XẾP LOẠI TRUNG BÌNH



Nhận định: Sự phân hóa kết quả là rất rõ rệt. Bên cạnh những điển hình xuất sắc, vẫn còn hơn 20% đơn vị chỉ đạt loại Khá và Trung bình. Điều này cho thấy chất lượng triển khai CCHC ở cơ sở chưa đồng đều.

CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP XÃ, PHƯỜNG NĂM 2025



■ Xếp loại Xuất sắc
 ■ Xếp loại khá
 ■ Xếp loại Tốt
 ■ Xếp loại Trung bình

2. Kết quả các lĩnh vực

2.1. Lĩnh vực Chỉ đạo điều hành về cải cách hành chính (thuộc trách nhiệm thẩm định của Sở Nội vụ)

Trên cơ sở số liệu tổng hợp đối với tiêu chí Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (tổng điểm tối đa 15 điểm), kết quả chấm điểm năm 2025 cho

thấy mức độ phân hóa tương đối rõ giữa các sở, ngành và giữa các xã, phường, phản ánh sự khác biệt về mức độ quan tâm, quyết liệt trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

a) Đối với Sở, ban ngành:

- Tiêu chí ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 có nhiều đơn vị đạt mức hoàn thành 100%, thể hiện sự chủ động trong xây dựng kế hoạch và triển khai nhiệm vụ ngay từ đầu năm. Tuy nhiên, vẫn còn 08/15 đơn vị chỉ đạt khoảng 50%, cho thấy việc ban hành kế hoạch còn chậm, hoặc nội dung chưa đầy đủ theo yêu cầu, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và chất lượng tổ chức thực hiện CCHC trong năm.

- Tiêu chí thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ, đa số các Sở, ngành đạt 100%, phản ánh việc tuân thủ tương đối nghiêm túc quy định về thông tin, báo cáo; song vẫn xuất hiện đơn vị không đạt điểm, làm giảm đáng kể tỷ lệ hoàn thành chung của tiêu chí.

- Đối với nội dung đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC, có 08/15 đơn vị chưa có sáng kiến được áp dụng hiệu quả trong năm 2025, cho thấy dư địa cải thiện còn lớn, nhất là trong việc tìm kiếm các giải pháp mới nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng phục vụ.

- Sự phân hóa rõ nhất thể hiện ở tiêu chí công tác kiểm tra cải cách hành chính. Một số Sở, ngành đạt 100% điểm, đặc biệt ở nội dung tỷ lệ đơn vị trực thuộc được kiểm tra, cho thấy vai trò chỉ đạo, giám sát được thực hiện khá hiệu quả; trong khi đó, vẫn còn 04/15 đơn vị có mức hoàn thành dưới 50%, phản ánh công tác kiểm tra chưa được thực hiện thường xuyên, chưa bao quát đầy đủ các nội dung theo quy định. So sánh theo từng tiêu chí cho thấy, dù mặt bằng chung đạt mức khá, song kết quả giữa các Sở, ngành vẫn chưa đồng đều, nhất là ở khâu tổ chức kiểm tra và theo dõi thực hiện, cần tiếp tục được quan tâm trong thời gian tới.

b) Đối với cấp xã, phường:

Đối với cấp xã, phường, nhóm đạt kết quả cao chủ yếu là các địa phương có sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ CCHC. Tiêu biểu như UBND phường Trần Biên (13,23 điểm), UBND xã Trị An (13,10

điểm), UBND xã Đại Phước (13,07 điểm), UBND xã Long Thành (12,91 điểm). Các đơn vị này cơ bản thực hiện đầy đủ việc ban hành Kế hoạch CCHC năm 2025, bảo đảm chế độ báo cáo định kỳ, tổ chức kiểm tra CCHC và tỷ lệ đơn vị trực thuộc được kiểm tra đạt yêu cầu, qua đó phản ánh vai trò chỉ đạo, điều hành được phát huy tương đối hiệu quả.

Nhóm đạt mức khá, dao động từ khoảng 12,2 - 12,8 điểm (*tương ứng 80% đến dưới 85% tổng điểm*), chiếm đa số các xã, phường. Các đơn vị trong nhóm này đáp ứng yêu cầu cơ bản của tiêu chí, tuy nhiên vẫn còn một số nội dung chưa đạt điểm tối đa, đặc biệt là tính thường xuyên của công tác kiểm tra và chất lượng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện.

Trong khi đó, nhóm điểm thấp (*dưới 6 điểm*) như các xã, phường Tân Lợi, Thuận Lợi, Lộc Thành, Long Hưng, Đăk Ô cho thấy công tác chỉ đạo, điều hành CCHC còn nhiều hạn chế, nhất là ở việc ban hành kế hoạch, tổ chức kiểm tra và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ. Kết quả này đặt ra yêu cầu cần tăng cường trách nhiệm người đứng đầu, nâng cao tính chủ động và kỷ cương hành chính, nhằm cải thiện rõ nét chất lượng chỉ đạo, điều hành CCHC trong thời gian tới.

2.2. Lĩnh vực cải cách thể chế (thuộc trách nhiệm thẩm định của Sở Tư pháp):

a) Đối với cấp Sở, ngành, điểm số cải cách thể chế năm 2025 nhìn chung đạt mức khá, nhiều đơn vị đạt điểm cao và tiệm cận mức tối đa 7 điểm, phản ánh sự quan tâm và đầu tư nhất định cho công tác này. Nhóm Sở có kết quả nổi bật gồm Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Xây dựng, Sở Y tế, với tổng điểm dao động khoảng 6,5 - 6,7 điểm. Kết quả này cho thấy các đơn vị đã chủ động trong tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức theo dõi thi hành pháp luật, đồng thời thực hiện tương đối đầy đủ việc rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định.

Tuy nhiên, bên cạnh mặt bằng chung tích cực, vẫn còn một số đơn vị như Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế, Sở Công Thương và một số sở chuyên ngành có điểm số thấp hơn, chỉ đạt khoảng 5,3 - 5,6 điểm. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ hạn chế ở các tiêu chí mang tính chất chiều sâu, như tự kiểm tra văn bản, xử lý kiến nghị sau rà soát và theo dõi thi hành pháp luật chưa được

thực hiện thường xuyên, bài bản, dẫn đến hiệu quả cải cách thể chế chưa tương xứng với yêu cầu.

b) Đối với cấp xã, phường, kết quả cải cách thể chế thể hiện sự phân hóa rõ nét hơn so với cấp sở. Một số xã, phường như Bình Phước, Long Hà, Thiện Hưng, Dầu Giây cơ bản đạt đủ điểm ở các tiêu chí về kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản (2/2 điểm), phản ánh việc tuân thủ đúng quy trình theo hướng dẫn, cũng như thực hiện tương đối đầy đủ thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản.

Trong khi đó, vẫn còn không ít xã, phường chỉ đạt điểm trung bình hoặc thấp, tập trung chủ yếu ở các tiêu chí theo dõi thi hành pháp luật và tự kiểm tra, rà soát văn bản. Thực trạng này cho thấy cải cách thể chế ở cấp cơ sở vẫn còn thiên về hình thức, phụ thuộc nhiều vào hướng dẫn của cấp trên, chưa phát huy được tính chủ động và vai trò của chính quyền cơ sở trong phát hiện, xử lý kịp thời các bất cập về thể chế phát sinh từ thực tiễn quản lý.

2.3. Lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính (thuộc trách nhiệm thẩm định của Văn phòng UBND tỉnh): Đối với công tác kiểm soát quy định thủ tục hành chính, có 11/15 Sở, ban, ngành và 24/95 UBND cấp xã, phường đạt 100% điểm theo tiêu chí đánh giá. Kết quả này cho thấy phần lớn các Sở, ngành đã thực hiện tương đối nghiêm túc việc rà soát, cập nhật, công bố và kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định. Tuy nhiên, tỷ lệ UBND cấp xã, phường đạt điểm tối đa còn thấp (khoảng 25%), phản ánh thực tế công tác kiểm soát TTHC ở cấp cơ sở vẫn chưa đồng đều, một số địa phương còn lúng túng trong việc nắm bắt quy trình, hồ sơ hoặc chưa thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.

Đối với việc đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, có 14/15 Sở, ngành¹⁴ hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra, cho thấy sự chủ động của khối sở trong rà soát, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nhằm tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Trong khi đó, ở cấp xã, phường, chỉ có 29/95 đơn vị đề xuất được phương án đơn giản hóa bảo đảm yêu cầu, cho thấy cải cách TTHC tại cơ sở vẫn chủ yếu tập trung vào khâu tổ chức thực hiện, chưa thực sự phát huy

¹⁴ Sở Ngoại vụ thực hiện chưa đạt

vai trò chủ động trong việc phát hiện, kiến nghị tháo gỡ các quy định còn bất cập từ thực tiễn.

Về công tác giải quyết thủ tục hành chính, kết quả đạt mức rất cao. Có 13/14 Sở, ngành¹⁵ (không tính Văn phòng UBND tỉnh do không phát sinh TTHC) và 94/95 UBND xã, phường¹⁶ đạt tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn trên 98%, trong đó 23 địa phương¹⁷ đạt tỷ lệ 100%. Đây là chỉ dấu tích cực, phản ánh nỗ lực của các cơ quan hành chính trong việc tuân thủ thời hạn giải quyết hồ sơ, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính; tuy nhiên, tỷ lệ cao này cũng đặt ra yêu cầu cần tiếp tục theo dõi, đánh giá chất lượng thực chất của hồ sơ giải quyết, tránh tình trạng đúng hạn về thời gian nhưng chưa đồng đều về chất lượng phục vụ.

Đối với công tác tiếp nhận và giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, có 14/15 Sở, ngành¹⁸ và 88/95 UBND xã, phường¹⁹ giải quyết 100% phản ánh, kiến nghị đúng hạn. Kết quả này cho thấy cơ chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị cơ bản đã đi vào nền nếp; tuy nhiên, số lượng đơn vị chưa đạt yêu cầu vẫn là tín hiệu cần lưu ý, đòi hỏi tiếp tục tăng cường trách nhiệm người đứng đầu, cũng như nâng cao chất lượng phản hồi, bảo đảm phản ánh, kiến nghị thực sự trở thành kênh thông tin quan trọng phục vụ cải cách thủ tục hành chính.

2.4. Cải cách tổ chức bộ máy (thuộc trách nhiệm thẩm định của Sở Nội vụ):

Qua đánh giá cho thấy, công tác hoàn thiện tổ chức bộ máy và phân định chức năng, nhiệm vụ tại các cơ quan, đơn vị tiếp tục được quan tâm triển khai và đạt được những kết quả tích cực. Ở cấp Sở, ban, ngành, có 14/15 đơn vị²⁰ đã hoàn thiện đầy đủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc, phản ánh sự tuân thủ tương đối nghiêm túc các quy định của Trung ương và của tỉnh về kiện toàn tổ chức bộ máy.

¹⁵ BQL các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thực hiện chưa đạt

¹⁶ UBND xã Long Phước chưa đạt

¹⁷ UBND các xã, phường: Long Hà, Thiện Hưng, Đồng Xoài, Đa Kia, Phước Bình, An Lộc, Đồng Phú, Phước Sơn, Xuân Hoà, Hưng Thịnh, Xuân Đường, Xuân Bắc, Thọ Sơn, Phước Long, Bù Đăng, Xuân Lập, Hưng Phước, Lộc Thạnh, Phú Riềng, Long Bình, Tân Lợi, Bình Lộc, Bình An.

¹⁸ Sở Nông nghiệp và Môi trường chưa đạt

¹⁹ Các xã, phường chưa đạt: Gia Kiệm, Hưng Thịnh, Tân Phú, Xuân Lập, Bình Minh, Phú Lâm, Phú Hoà.

²⁰ Sở Nông nghiệp và Môi trường chưa đạt

Đối với cấp xã, phường, kết quả có sự phân hóa rõ hơn giữa các nhóm đơn vị. Có 93/95 UBND xã, phường²¹ đã ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của các phòng chuyên môn, cho thấy phần lớn chính quyền cơ sở đã chú trọng hoàn thiện khung pháp lý phục vụ công tác quản lý, điều hành. Ngược lại, đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc, mới chỉ có 54/95 UBND xã, phường ban hành quy định tổ chức và hoạt động, chiếm tỷ lệ chưa đến 60%, phản ánh việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy khối sự nghiệp ở cấp cơ sở còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý và nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công.

Đáng chú ý, 100% các đơn vị, địa phương đã thực hiện đầy đủ quy định về cơ cấu và số lượng lãnh đạo tại các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc. Đây là kết quả tích cực, thể hiện sự chấp hành nghiêm các quy định về tinh gọn bộ máy, góp phần kiểm soát biên chế lãnh đạo, hạn chế tình trạng chồng chéo trong tổ chức bộ máy.

2.5. Cải cách chế độ công vụ (thuộc trách nhiệm thẩm định của Sở Nội vụ):

Kết quả đánh giá cho thấy, công tác xây dựng và quản lý vị trí việc làm, gắn với quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã được triển khai trên phạm vi toàn tỉnh, song mức độ hoàn thành giữa các đơn vị và giữa các cấp còn chưa đồng đều.

Đối với xây dựng đề án vị trí việc làm công chức, mới có 06/15 Sở, ngành²² và 79/95 UBND xã, phường hoàn thành đầy đủ các yêu cầu theo quy định. Tỷ lệ hoàn thành ở cấp Sở còn thấp, phản ánh việc rà soát, chuẩn hóa vị trí việc làm tại một số Sở, ngành chưa theo kịp yêu cầu đổi mới quản lý nhân sự, trong khi ở cấp xã, phường, dù kết quả khả quan hơn, vẫn còn 16 địa phương²³ chưa hoàn thành, cho thấy việc triển khai ở cơ sở còn gặp khó khăn, nhất là về hướng dẫn chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện. Đối với đề án vị trí việc làm viên chức tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp xã, kết quả cho thấy chỉ có 56/95 xã, phường hoàn thành yêu cầu, chiếm khoảng 59%, phản ánh rõ đây là khâu còn yếu trong cải cách tổ chức bộ máy và quản lý nhân sự ở cấp cơ sở. Việc chậm hoàn

²¹ Các xã chưa đạt: Xuân Bắc, Lộc Thành

²² Các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Y tế, Ngoại vụ

²³ Các xã, phường chưa đạt: Xuân Hoà, Tân Phú, Sông Ray, Bình Minh, Trảng Dài, Phú Trung, Tân Khai, Phước Thái, Bình Lộc, Minh Hưng, Xuân Quế, Đak Lua, Tân Tiến, Lộc Thành, Long Hưng, Đăk Ô

thiện đề án vị trí việc làm viên chức sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến công tác bố trí, sử dụng và đánh giá đội ngũ viên chức, cũng như hiệu quả cung ứng dịch vụ công.

Ở chiều ngược lại, công tác bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá tích cực hơn. Có 15/15 Sở, ngành và 71/95 UBND xã, phường bảo đảm 100% công chức, viên chức được bố trí đúng vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Kết quả này cho thấy các đơn vị đã chú trọng tuân thủ quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đội ngũ, dù vẫn còn một số địa phương chưa đạt yêu cầu tuyệt đối.

Đối với công tác cập nhật, quản lý dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trên hệ thống thông tin còn bộc lộ một số hạn chế; theo đó, chỉ có 02/15 Sở, ngành²⁴ và 14/95 UBND xã, phường²⁵ đạt tỷ lệ tối thiểu 95% dữ liệu được cập nhật đầy đủ trên hệ thống, cho thấy việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhân sự chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến chất lượng dữ liệu phục vụ công tác quản lý, phân tích và ra quyết định. Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, kết quả tương đối tích cực khi 15/15 Sở, ngành và 50/95 UBND xã, phường đã ban hành kịp thời kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2025; tuy nhiên, tỷ lệ cấp xã, phường mới đạt hơn 50% cũng đặt ra yêu cầu cần tiếp tục tăng cường chỉ đạo, bảo đảm việc đào tạo, bồi dưỡng được triển khai đồng bộ, gắn với yêu cầu vị trí việc làm và nâng cao chất lượng đội ngũ trong giai đoạn tới.

2.6. Cải cách tài chính công (thuộc trách nhiệm thẩm định của Sở Tài chính):

Cải cách tài chính công tiếp tục được đánh giá trên cơ sở mức độ tuân thủ các quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công, phân phối kết quả tài chính và sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên; đồng thời xem xét hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn trước.

²⁴ Các Sở thực hiện đạt: Xây dựng, Nội vụ.

²⁵ Các xã, phường thực hiện đạt: Bình Phước, Tân An, Trảng Bom, Phú Lý, Tà Lài, Hưng Thịnh, Tam Hiệp, Hàng Gòn, Sông Ray, Bầu Hâm, An Viễn, Tân Triều, Bình Minh, Nhơn Trạch.

Kết quả đánh giá năm 2025 cho thấy, ở nội dung giải ngân vốn đầu tư công, có 12/15 Sở, ngành²⁶ và 54/95 UBND xã, phường đạt và vượt 100% chỉ tiêu kế hoạch; đây là tín hiệu tích cực, phản ánh sự nỗ lực của nhiều đơn vị trong công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế – xã hội. Tuy nhiên, việc vẫn còn một số Sở, ngành và gần 40% UBND cấp xã, phường chưa đạt chỉ tiêu cũng cho thấy tiến độ giải ngân vốn đầu tư công chưa đồng đều, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn và mục tiêu phát triển chung.

Đối với nội dung ban hành quy định về quản lý, sử dụng tài sản công, kết quả còn khá khiêm tốn. Chỉ có 02/15 Sở, ngành²⁷ và 70/95 UBND xã, phường ban hành đầy đủ các quy định liên quan đối với các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc phạm vi quản lý. Tỷ lệ thấp ở cấp Sở cho thấy việc cụ thể hóa các quy định về tài sản công tại một số đơn vị còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản nhà nước, nhất là trong bối cảnh siết chặt kỷ luật tài chính - ngân sách.

Ở chiều tích cực, đối với thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập, có 84/95 UBND xã, phường bảo đảm đầy đủ các yêu cầu theo quy định. Kết quả này phản ánh việc triển khai cơ chế tự chủ ở cấp cơ sở đã có bước tiến rõ rệt, góp phần nâng cao tính chủ động trong quản lý tài chính, sử dụng nguồn lực và từng bước cải thiện chất lượng dịch vụ công. Tuy nhiên, vẫn còn 11 địa phương chưa đáp ứng yêu cầu, cho thấy việc thực hiện cơ chế tự chủ chưa thật sự đồng bộ và cần tiếp tục được hướng dẫn, kiểm tra trong thời gian tới.

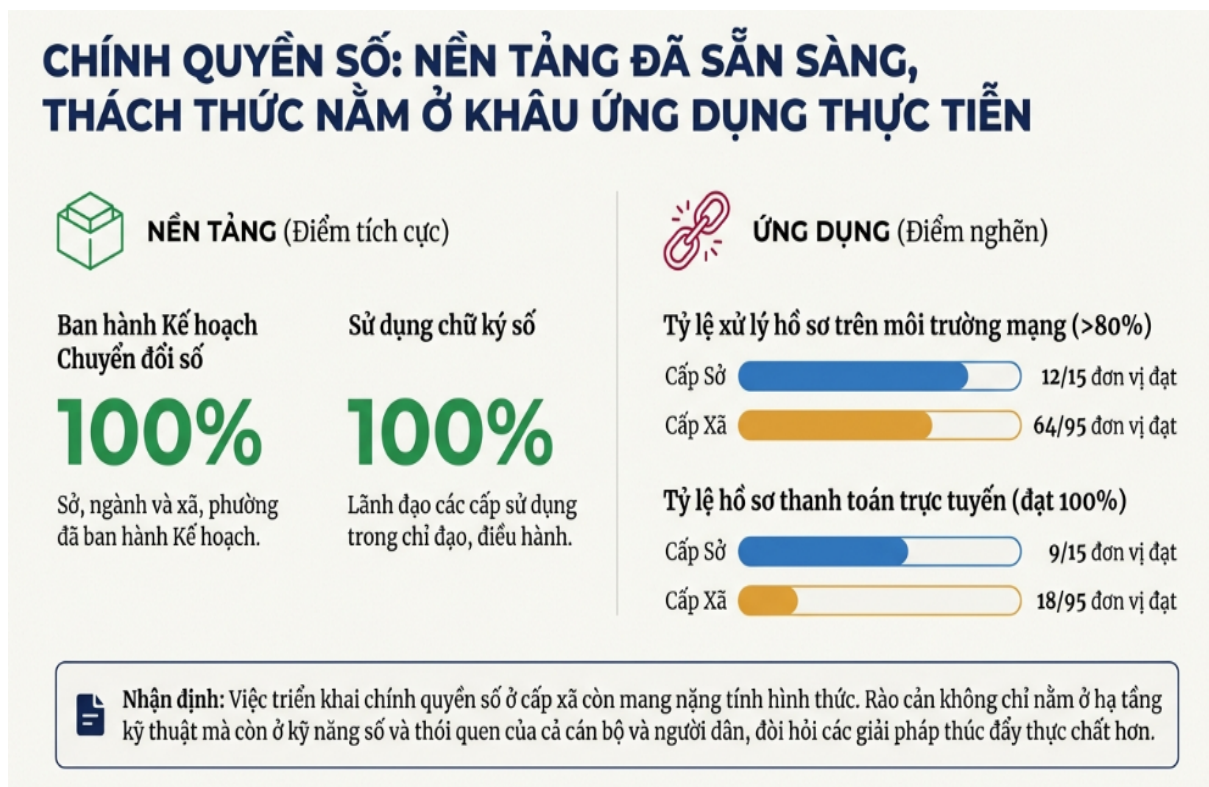
2.7. Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số (thuộc trách nhiệm thẩm định của Sở Khoa học và Công nghệ)

Lĩnh vực xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số trong năm 2025 được điều chỉnh một số tiêu chí đánh giá nhằm bám sát các nhiệm vụ trọng tâm, tập trung vào tỷ lệ hồ sơ trực tuyến và thực hiện thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính – những chỉ số phản ánh trực tiếp mức độ chuyển đổi

²⁶ Sở ngành chưa đạt: Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp, Công Thương

²⁷ Các Sở thực hiện đạt: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính

phương thức phục vụ người dân, doanh nghiệp từ môi trường truyền thống sang môi trường số.



Kết quả đánh giá tại cấp Sở, ngành cho thấy sự chuyển biến khá rõ nét trong công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện chuyển đổi số. 100% Sở, ngành đã ban hành kịp thời Kế hoạch Chuyển đổi số, thể hiện sự vào cuộc đồng bộ về mặt thể chế và định hướng; trong đó, có 12/15 đơn vị hoàn thành 100% nhiệm vụ theo kế hoạch, cho thấy phần lớn các Sở, ngành đã nghiêm túc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số theo lộ trình đề ra. Bên cạnh đó, 100% lãnh đạo, quản lý các Sở, ngành sử dụng chữ ký số trong phê duyệt, điều hành và giải quyết công việc, góp phần thay đổi căn bản phương thức làm việc, nâng cao tính kịp thời, minh bạch và giảm phụ thuộc vào hồ sơ giấy. Tuy nhiên, chỉ có 12/15 Sở, ngành²⁸ đạt tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng từ 80% trở lên, cho thấy một số đơn vị vẫn chưa khai thác hiệu quả môi trường số trong xử lý công việc nội bộ. Đáng chú ý, ở chỉ tiêu thanh toán trực tuyến, có 09/15 Sở, ngành đạt 100% tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến phản ánh việc chuyển đổi sang thanh toán trực tuyến trong giải quyết TTHC tại cấp Sở chưa thật sự đồng đều, cần cải thiện trong thời gian tới.

²⁸ Các Sở chưa đạt: Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp, Thanh tra tỉnh.

Tại cấp xã, phường, kết quả cho thấy xu hướng tương tự nhưng mức độ đạt được còn thấp hơn so với cấp Sở. 100% UBND xã, phường đã ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số, thể hiện sự thống nhất trong triển khai chủ trương từ tỉnh đến cơ sở; tuy nhiên, chỉ có 71/95 địa phương hoàn thành 100% nhiệm vụ theo kế hoạch. Về ứng dụng chữ ký số, kết quả rất tích cực khi 100% lãnh đạo, quản lý cấp xã, phường sử dụng chữ ký số trong chỉ đạo, điều hành và giải quyết công việc, tạo nền tảng quan trọng cho việc xây dựng chính quyền số ở cơ sở; trong đó, chỉ có 64/95 địa phương đạt tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng từ 80% trở lên; 18/95 xã, phường đạt 100% tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến. Con số này cho thấy việc thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng thanh toán trực tuyến trong giải quyết TTHC ở cấp cơ sở còn gặp nhiều khó khăn, cả về hạ tầng kỹ thuật, kỹ năng số lẫn thói quen sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

2.8. Đánh giá tác động cải cách hành chính

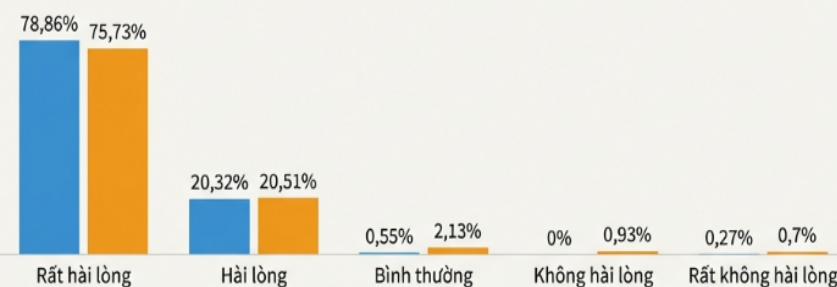
a) *Đánh giá tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức* được thực hiện thông qua khảo sát ý kiến người dân và doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh. Kết quả cho thấy, tỷ lệ hài lòng về quá trình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính năm 2025 đạt 94,72%, vượt chỉ tiêu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao (tối thiểu 94%). So với năm 2024, tỷ lệ hài lòng trung bình giảm 0,33% (năm 2024 là 95,05%); trong đó, tỷ lệ hài lòng trung bình tại cấp sở đạt 95,5%, cấp xã đạt 93,93%. Vẫn còn ghi nhận người dân phản ánh phải chi thêm tiền ngoài phí/lệ phí quy định (1,63% tại cấp sở, 4,18% tại cấp xã).

MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN: ĐẠT CHỈ TIÊU NHƯNG CẤP XÃ CẦN CẢI THIỆN

Tổng quan

94,72%

Tỷ lệ hài lòng chung năm 2025 (Vượt chỉ tiêu 94%).
So với 2024 (95,05%): Giảm nhẹ **-0,33%**.



Tỷ lệ hài lòng tổng thể 2025

Cấp Sở:
95,5%

Cấp Xã:
93,93%



Ghi chú đáng lưu ý: Tỷ lệ người dân "Không hài lòng" (0,93%) và "Rất không hài lòng" (0,7%) ở cấp xã cao hơn đáng kể so với cấp sở.



Kết luận: Sự hài lòng của người dân tại cấp xã thấp hơn và có xu hướng giảm. Cần tập trung cải thiện chất lượng phục vụ thực chất, không chỉ chạy theo chỉ tiêu về thời gian.

b) Tác động của cải cách hành chính đến phát triển kinh tế - xã hội: Tiêu chí đánh giá tác động của cải cách hành chính đến phát triển kinh tế – xã hội được triển khai đối với UBND các xã, phường nhằm phản ánh mối quan hệ giữa chất lượng điều hành hành chính với kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển tại địa phương. Kết quả đánh giá cho thấy, cải cách hành chính đã tạo ra những chuyển biến tích cực, song mức độ tác động còn có sự khác biệt giữa các địa phương, cụ thể:

- Có 63/95 xã, phường thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết HĐND cùng cấp giao, điều này cho thấy công tác cải cách hành chính đã góp phần nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành, cải thiện môi trường thực thi chính sách, từ đó hỗ trợ tích cực cho việc hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn 32/95 địa phương chưa đạt chỉ tiêu, phản ánh việc gắn kết giữa cải cách hành chính với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở một số nơi còn chưa chặt chẽ, hiệu quả lan tỏa của cải cách chưa đồng đều.

- Đối với chỉ tiêu thu ngân sách, kết quả khả quan hơn khi có 85/95 xã, phường thực hiện thu ngân sách hằng năm đạt và vượt chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao. Điều này cho thấy cải cách hành chính, đặc biệt trong các lĩnh vực như quản lý thu, cải cách thủ tục hành chính về thuế, đất đai, lệ phí, cũng như tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý tài chính công, đã góp phần cải thiện năng lực huy động nguồn lực tại cơ sở; tuy nhiên, việc vẫn còn 10 địa phương chưa đạt chỉ tiêu thu ngân sách cho thấy năng lực quản lý tài chính và khai thác nguồn thu tại một số xã, phường còn hạn chế, chưa tương xứng với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

III. Đánh giá, kiến nghị

1. Đánh giá

a) Ưu điểm

Năm 2025 là năm cuối thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2021–2025, do đó UBND tỉnh đã thể hiện rõ quyết tâm chính trị và sự tập trung cao độ trong chỉ đạo, điều hành công tác CCHC ngay từ đầu năm. Đặc biệt, sau khi chính quyền hai cấp chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025, UBND tỉnh đã kịp thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung các kế hoạch trọng

tâm về CCHC và hoàn thiện Bộ Chỉ số CCHC, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã. Trên cơ sở đó, các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đã chủ động quán triệt, cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch hành động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của từng đơn vị, địa phương.

Kết quả thực hiện CCHC của 15 Sở, ban, ngành và 95 UBND xã, phường được lượng hóa tương đối đầy đủ thông qua điểm số và thứ hạng Chỉ số CCHC năm 2025. Bộ Chỉ số tiếp tục phát huy vai trò là công cụ quản lý và thước đo quan trọng, giúp nhận diện rõ điểm mạnh, điểm yếu trong tổ chức thực hiện CCHC, đồng thời gắn trách nhiệm của tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu, với kết quả cải cách tại từng đơn vị, địa phương.

So với năm 2024, công tác đánh giá Chỉ số CCHC năm 2025 có nhiều cải thiện rõ nét. Cấu trúc bộ chỉ số được điều chỉnh theo hướng tăng cường khảo sát đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu, thực hiện nhiệm vụ CCHC, với nội dung khảo sát ngày càng sát thực tiễn và số lượng phiếu tăng đáng kể. Một số đơn vị, địa phương đã quan tâm chỉ đạo quyết liệt, bảo đảm tiến độ thực hiện nhiệm vụ và có sự cải thiện rõ rệt về thứ hạng chỉ số. Đồng thời, công tác khảo sát mức độ hài lòng của người dân được đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, mở rộng hình thức khảo sát trực tuyến, góp phần nâng cao tính khách quan, minh bạch và khả năng tiếp cận người dân, doanh nghiệp.

b) Hạn chế: Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, công tác đánh giá Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 vẫn còn một số hạn chế cần được nhìn nhận khách quan, cụ thể như sau:

- Một số đơn vị, địa phương trong quá trình tự đánh giá và cung cấp tài liệu kiểm chứng chưa bảo đảm đầy đủ, chưa phù hợp với yêu cầu của từng tiêu chí, phải điều chỉnh, bổ sung nhiều lần, gây khó khăn cho công tác thẩm định, đối chiếu và làm kéo dài thời gian tổng hợp, đánh giá kết quả.

- Một số tiêu chí đánh giá trong năm 2025 gặp khó khăn trong quá trình triển khai do các yếu tố khách quan, nhất là trong bối cảnh sắp xếp tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và thay đổi mô hình chính quyền địa phương

hai cấp. Đối với các tiêu chí này, các Sở, ngành được giao thẩm định đã kịp thời rà soát, điều chỉnh cách thức đánh giá nhằm bảo đảm tính công bằng, khách quan và phù hợp với điều kiện thực tiễn, tuy nhiên cũng phần nào ảnh hưởng đến tính so sánh đồng đều giữa các đơn vị.

- Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, Bộ Chỉ số CCHC được triển khai lần đầu tiên đối với 95 xã, phường; do đó còn bộc lộ những hạn chế nhất định trong nhận thức, kỹ năng tổ chức thực hiện và phương pháp tự đánh giá của một số địa phương; việc nắm bắt nội dung, yêu cầu của từng tiêu chí chưa thật sự đồng đều, dẫn đến kết quả đánh giá giữa các xã, phường còn chênh lệch, phản ánh quá trình thích ứng và hoàn thiện vẫn cần thêm thời gian trong giai đoạn tiếp theo.

2. Kiến nghị, đề xuất

Trên cơ sở các hạn chế, vướng mắc đã được chỉ ra và xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, Sở Nội vụ kính báo cáo và đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo một số nội dung trọng tâm nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đánh giá Chỉ số cải cách hành chính trong thời gian tới, cụ thể:

- Hoàn thiện Bộ Chỉ số cải cách hành chính năm 2026 theo hướng bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026 của tỉnh, đồng thời bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Bộ Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh do Bộ Nội vụ ban hành. Bộ Chỉ số cần phản ánh rõ tác động thực chất của cải cách hành chính đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, địa phương, đồng thời nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá phù hợp đối với các đơn vị có tính chất đặc thù, bảo đảm sát chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý.

- Tăng cường công tác kiểm tra cải cách hành chính, coi đây là căn cứ quan trọng để đánh giá khách quan, chính xác kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của các đơn vị, địa phương; qua đó kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và khắc phục những tồn tại, hạn chế, nhất là trong việc chấp hành quy định về giải quyết thủ tục hành chính, kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm của người đứng đầu.

- Tiếp tục triển khai, nâng cấp và hoàn thiện phần mềm đánh giá Chỉ số cải cách hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thu thập, tổng hợp, chuẩn hóa và quản lý dữ liệu báo cáo CCHC. Đồng thời, yêu cầu các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường thực hiện nghiêm túc việc theo dõi, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC một cách thường xuyên, bảo đảm dữ liệu phục vụ công tác đánh giá đầy đủ, chính xác và kịp thời.

- Chỉ đạo tăng cường vai trò điều phối, hướng dẫn của các Sở, ngành chuyên môn đối với UBND cấp xã trong tổ chức triển khai các tiêu chí CCHC, nhất là các tiêu chí mới hoặc có điều chỉnh sau sắp xếp đơn vị hành chính; bảo đảm thống nhất trong cách hiểu, cách làm, hạn chế sự chênh lệch về kết quả đánh giá giữa các địa phương. Đồng thời, gắn chặt kết quả Chỉ số CCHC với công tác đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong hệ thống chính quyền hai cấp; nghiên cứu sử dụng kết quả Chỉ số CCHC làm căn cứ quan trọng trong công tác thi đua, khen thưởng, bố trí, sắp xếp cán bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý trong giai đoạn mới.

Trên đây là báo cáo kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính của các Sở, ban ngành, UBND cấp xã năm 2025. Đồng thời, trên cơ sở tổng hợp điểm số của các đơn vị, địa phương, Sở Nội vụ dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh công bố chỉ số cải cách hành chính của Sở, ngành, UBND cấp xã năm 2025 *(kèm theo)*.

Sở Nội vụ kính báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD và các PGD SNV;
- Lưu: VT, CCHC&VTLT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hà Thanh Tùng

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH UBND CẤP XÃ NĂM 2025

STT	TÊN ĐƠN VỊ	XẾP HẠNG	XẾP LOẠI	TỔNG ĐIỂM QUY ĐỔI (%)	TỔNG ĐIỂM	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	THỰC HIỆN CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
ĐIỂM TỐI ĐA				100,00	100,00	15,00	7,00	16,00	10,00	14,50	10,00	13,50	14,00
1	UBND phường Bình Phước	1	Xuất sắc	94,56	94,56	12,80	6,60	16,00	9,71	14,16	9,09	13,50	12,71
2	UBND xã Long Hà	2	Xuất sắc	93,72	93,72	12,00	7,00	15,00	10,00	14,00	9,50	12,30	13,92
3	UBND xã Thiện Hưng	3	Xuất sắc	93,49	93,49	12,34	6,78	16,00	9,79	12,85	9,70	12,72	13,31
4	UBND xã Dầu Giây	4	Xuất sắc	92,08	92,08	12,80	6,70	15,96	7,74	13,63	9,62	12,31	13,33
5	UBND phường Đồng Xoài	5	Xuất sắc	91,84	91,84	11,06	6,36	15,00	9,57	13,45	9,33	13,49	13,58
6	UBND xã Đại Phước	6	Xuất sắc	91,80	91,80	13,07	6,26	16,00	9,43	11,58	9,07	12,92	13,47
7	UBND xã Tân An	7	Xuất sắc	91,63	91,63	12,28	6,54	15,99	9,61	13,52	9,51	10,79	13,37
8	UBND xã Phước An	8	Xuất sắc	90,86	90,86	11,59	6,38	15,98	9,42	12,64	9,17	12,34	13,35
9	UBND xã Đa Kía	9	Xuất sắc	90,64	90,64	10,90	6,80	16,00	9,91	13,85	8,34	11,87	12,97
10	UBND phường Trăn Biên	10	Xuất sắc	90,63	90,63	13,23	6,07	15,96	9,12	12,97	8,88	12,08	12,32
11	UBND xã Trị An	11	Xuất sắc	90,45	90,45	13,10	6,39	15,00	9,40	13,19	9,14	10,84	13,40
12	UBND xã Trảng Bom	12	Xuất sắc	90,19	90,19	12,53	5,82	15,49	9,40	13,85	9,33	10,83	12,94
13	UBND Phường Phước Bình	13	Xuất sắc	90,14	90,14	11,48	6,42	16,00	9,56	12,26	9,43	11,26	13,73

STT	TÊN ĐƠN VỊ	XẾP HẠNG	XẾP LOẠI	TỔNG ĐIỂM QUY ĐỔI (%)	TỔNG ĐIỂM	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	THỰC HIỆN CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
14	UBND xã Tân Quan	14	Tốt	89,33	89,33	11,19	6,68	13,99	9,63	13,41	9,63	12,33	12,47
15	UBND phường An Lộc	15	Tốt	88,92	88,92	10,70	6,63	16,00	7,67	12,18	9,01	12,85	13,87
16	UBND xã Phú Lý	16	Tốt	88,78	88,78	9,53	6,35	15,98	9,23	13,20	9,11	11,69	13,68
17	UBND xã Đồng Phú	17	Tốt	88,59	88,59	10,25	6,13	16,00	9,11	11,69	8,96	13,44	13,01
18	UBND xã Xuân Lộc	18	Tốt	88,58	86,81	9,40	5,31	15,94	9,32	12,23	9,20	12,32	13,08
19	UBND xã Lộc Ninh	19	Tốt	88,54	88,54	8,62	5,60	16,00	9,63	13,29	9,38	13,00	13,03
20	UBND xã Tà Lài	20	Tốt	88,08	88,08	10,86	6,32	13,97	9,32	13,03	9,24	12,31	13,04
21	UBND xã Phước Sơn	21	Tốt	88,06	88,06	11,54	6,56	14,00	9,68	13,44	9,43	11,79	11,61
22	UBND xã Gia Kiệm	22	Tốt	87,79	87,79	10,01	6,26	15,91	9,36	12,43	8,53	11,85	13,44
23	UBND xã Lộc Quang	23	Tốt	87,77	86,02	10,56	5,06	14,99	9,25	12,05	8,35	12,28	13,48
24	UBND xã Xuân Hòa	24	Tốt	87,74	87,74	11,13	5,37	16,00	7,43	12,11	9,20	12,80	13,70
25	UBND xã Nghĩa Trung	25	Tốt	87,67	87,67	11,50	6,24	13,49	9,49	13,38	8,80	12,25	12,51
26	UBND xã Minh Đức	26	Tốt	86,83	86,83	10,90	6,32	13,97	9,28	13,32	8,62	11,57	12,86
27	UBND xã Cẩm Mỹ	27	Tốt	86,76	86,76	11,08	6,55	13,97	7,72	13,14	9,59	11,68	13,04
28	UBND xã Hưng Thịnh	28	Tốt	86,68	86,68	11,32	6,57	13,89	7,71	13,13	9,65	11,13	13,28
29	UBND xã Xuân Phú	29	Tốt	86,67	86,67	10,39	6,14	13,99	9,21	12,81	9,01	11,75	13,37
30	UBND xã Xuân Đường	30	Tốt	86,50	86,50	9,40	6,03	15,50	9,24	11,71	9,14	12,50	12,98
31	UBND xã Tân Hưng	31	Tốt	86,41	86,41	10,82	6,09	15,46	9,23	11,73	8,54	11,82	12,72

STT	TÊN ĐƠN VỊ	XẾP HẠNG	XẾP LOẠI	TỔNG ĐIỂM QUY ĐỔI (%)	TỔNG ĐIỂM	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	THỰC HIỆN CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
32	UBND xã Long Thành	32	Tốt	86,40	86,40	12,91	6,12	14,98	7,17	12,50	8,97	10,48	13,26
33	UBND phường Hồ Nai	47	Tốt	86,33	86,33	12,09	5,97	15,99	9,04	10,82	8,69	10,50	13,23
34	UBND xã Xuân Đông	33	Tốt	86,16	86,16	6,85	6,01	15,99	9,60	11,86	9,63	12,50	13,72
35	UBND xã Tân Phú	34	Tốt	86,09	86,09	12,26	6,05	15,93	7,07	10,49	8,49	13,00	12,79
36	UBND phường Bình Long	35	Tốt	86,04	86,04	10,51	6,43	15,00	9,33	12,70	7,20	11,07	13,79
37	UBND xã Đồng Tâm	36	Tốt	85,81	85,81	9,62	6,25	13,96	9,52	11,45	9,35	12,40	13,27
38	UBND xã Bình Tân	37	Tốt	85,78	85,78	9,91	6,23	14,00	9,31	13,19	7,75	11,88	13,51
39	UBND xã La Ngà	38	Tốt	85,70	85,70	9,77	5,98	15,99	8,87	12,67	7,80	11,82	12,81
40	UBND xã Xuân Bắc	39	Tốt	85,66	85,66	11,36	6,10	14,00	7,08	12,86	9,07	11,52	13,67
41	UBND xã Thọ Sơn	40	Tốt	85,64	85,64	10,86	6,11	14,00	9,28	11,61	9,11	11,14	13,53
42	UBND phường Phước Long	41	Tốt	85,63	85,63	10,18	6,57	14,00	7,65	13,39	9,49	10,75	13,61
43	UBND phường Tam Hiệp	42	Tốt	85,60	85,60	10,05	5,95	13,98	8,90	12,22	8,70	12,32	13,49
44	UBND phường Hàng Gòn	43	Tốt	85,55	85,55	9,72	6,12	13,95	9,15	12,66	9,03	11,53	13,39
45	UBND xã Sông Ray	44	Tốt	85,43	85,43	9,66	6,10	14,97	9,19	11,05	8,92	12,34	13,21
46	UBND xã Xuân Thành	45	Tốt	85,37	85,37	10,40	6,40	13,00	7,37	13,22	9,10	12,50	13,38
47	UBND phường Bảo Vinh	46	Tốt	85,35	85,35	9,83	6,26	13,98	9,21	11,75	9,13	12,14	13,05
48	UBND xã Bù Đăng	48	Tốt	85,32	85,32	10,47	6,26	15,00	7,24	11,91	8,65	12,05	13,75
49	UBND phường Xuân Lập	49	Tốt	85,20	85,20	11,93	6,22	12,75	7,36	12,87	8,67	12,00	13,40

STT	TÊN ĐƠN VỊ	XẾP HẠNG	XẾP LOẠI	TỔNG ĐIỂM QUY ĐỔI (%)	TỔNG ĐIỂM	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	THỰC HIỆN CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
50	UBND xã Bàu Hàm	50	Tốt	84,56	84,56	9,06	5,95	13,95	9,11	12,26	8,83	11,89	13,51
51	UBND xã Hưng Phước	51	Tốt	84,55	84,55	8,74	6,08	15,00	9,21	12,99	8,93	11,34	12,26
52	UBND xã An Viễn	52	Tốt	84,38	84,38	9,87	6,02	13,99	7,23	12,18	9,13	12,13	13,82
53	UBND phường Long Khánh	53	Tốt	84,10	84,10	12,38	5,67	13,97	7,20	10,73	9,00	11,93	13,22
54	UBND phường Tân Triều	54	Tốt	83,81	83,81	9,62	6,25	15,00	7,16	13,23	9,00	10,63	12,93
55	UBND xã Lộc Thạnh	55	Tốt	83,61	81,94	8,32	5,09	15,50	9,17	11,73	8,52	10,32	13,29
56	UBND xã Bình Minh	56	Tốt	83,32	83,32	9,58	6,34	13,96	9,35	11,54	8,29	10,61	13,65
57	UBND phường Trảng Dài	57	Tốt	82,82	82,82	8,22	6,19	15,99	7,80	10,80	9,03	12,21	12,57
58	UBND xã Xuân Định	58	Tốt	82,79	82,79	9,67	6,33	13,95	7,23	11,83	9,12	11,90	12,77
59	UBND xã Nha Bích	59	Tốt	82,57	82,57	9,74	6,07	13,49	9,20	12,59	7,90	10,45	13,12
60	UBND xã Bù Gia Mập	60	Tốt	82,56	82,56	9,63	6,05	14,00	9,40	11,38	9,31	9,16	13,64
61	UBND xã Định Quán	61	Tốt	82,44	82,44	8,86	6,32	12,98	7,17	13,09	8,99	11,68	13,35
62	UBND phường Biên Hòa	62	Tốt	82,39	82,39	8,65	6,01	14,48	7,08	12,82	7,88	12,47	13,00
63	UBND xã Phú Riêng	63	Tốt	82,38	82,38	9,96	6,25	14,00	7,35	11,93	8,71	11,82	12,36
64	UBND xã Phú Vinh	64	Tốt	81,57	81,57	8,74	5,67	14,00	7,12	13,03	8,94	11,97	12,10
65	UBND xã Thống Nhất	65	Tốt	81,39	81,39	8,05	6,25	14,48	7,24	11,76	8,98	11,84	12,80
66	UBND phường Chơn Thành	66	Tốt	81,37	81,37	10,39	6,36	13,46	7,28	11,30	8,23	10,81	13,54
67	UBND xã Thanh Sơn	67	Tốt	81,15	81,15	7,09	5,49	14,95	9,04	11,67	8,88	11,40	12,63

STT	TÊN ĐƠN VỊ	XẾP HẠNG	XẾP LOẠI	TỔNG ĐIỂM QUY ĐỔI (%)	TỔNG ĐIỂM	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	CẢI CÁCH THỰC TỤC HÀNH CHÍNH	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	THỰC HIỆN CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
68	UBND xã Bom Bo	68	Tốt	81,08	81,08	8,54	6,12	14,00	9,31	12,11	8,62	9,97	12,41
69	UBND phường Long Bình	69	Tốt	80,89	80,89	10,32	6,14	13,00	7,23	10,16	9,06	12,24	12,74
70	UBND xã An Phước	70	Tốt	80,75	80,75	7,49	5,32	13,99	6,93	12,75	9,28	11,64	13,36
71	UBND xã Lộc Tấn	71	Tốt	80,36	78,75	8,74	4,60	12,48	9,15	12,08	7,19	12,26	12,24
72	UBND xã Nhơn Trạch	72	Tốt	80,12	80,12	8,77	5,50	15,99	7,16	9,02	7,88	12,37	13,42
73	UBND xã Phú Trung	73	Tốt	80,04	80,04	10,66	6,43	13,99	7,90	6,82	8,97	11,87	13,39
74	UBND xã Tân Khai	74	Khá	79,44	79,44	6,44	5,67	13,99	9,30	10,13	9,12	12,27	12,52
75	UBND xã Đak Nhau	75	Khá	79,30	79,30	7,12	5,92	13,99	9,05	10,48	8,76	10,75	13,23
76	UBND phường Tam Phước	76	Khá	78,91	78,91	7,76	5,08	13,97	9,24	8,43	8,80	12,29	13,33
77	UBND xã Nam Cát Tiên	77	Khá	78,84	78,84	7,96	4,68	14,00	9,09	11,89	7,99	11,31	11,92
78	UBND xã Tân Lợi	78	Khá	78,82	78,82	5,79	5,24	14,00	7,31	12,09	9,10	12,40	12,90
79	UBND xã Phước Thái	79	Khá	78,11	78,11	6,33	6,01	13,94	9,14	8,07	8,91	12,31	13,40
80	UBND phường Bình Lộc	80	Khá	77,58	77,58	9,84	6,23	14,00	7,25	7,00	9,22	10,50	13,54
81	UBND phường Minh Hưng	81	Khá	77,45	77,45	7,30	6,17	12,94	7,24	10,12	8,59	11,59	13,51
82	UBND phường Phước Tân	82	Khá	77,29	77,29	8,07	6,23	14,00	7,22	8,44	8,94	11,01	13,38
83	UBND xã Phú Lâm	83	Khá	76,63	76,63	7,31	5,97	13,89	7,11	8,57	8,41	12,33	13,03
84	UBND xã Phú Hòa	84	Khá	76,20	76,20	7,22	5,94	13,86	6,45	9,37	8,75	11,85	12,75
85	UBND xã Phú Nghĩa	85	Khá	75,05	75,05	5,86	6,19	14,99	7,35	7,89	8,58	10,97	13,23

STT	TÊN ĐƠN VỊ	XẾP HẠNG	XẾP LOẠI	TỔNG ĐIỂM QUY ĐỔI (%)	TỔNG ĐIỂM	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	THỰC HIỆN CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
86	UBND xã Lộc Hưng	86	Khá	73,29	73,29	6,86	2,76	13,49	7,42	10,79	6,61	11,49	13,87
87	UBND xã Xuân Quế	87	Khá	72,81	72,81	5,25	6,07	14,97	6,03	6,80	9,06	12,30	12,33
88	UBND xã Bình An	88	Khá	72,45	72,45	4,65	6,00	14,00	6,87	6,98	8,13	12,30	13,51
89	UBND xã Đak Lua	89	Khá	72,13	70,69	4,10	5,09	12,45	9,04	8,82	8,31	10,57	12,31
90	UBND xã Tân Tiến	90	Khá	71,09	71,09	5,34	5,60	13,98	9,34	3,85	8,93	11,83	12,22
91	UBND xã Lộc Thành	91	Khá	70,60	70,60	4,02	5,35	12,47	6,45	9,39	9,34	11,03	12,56
92	UBND xã Thuận Lợi	92	Khá	69,16	69,16	5,72	3,89	15,96	7,14	7,60	7,32	11,59	9,94
93	UBND xã Long Phước	93	Khá	68,38	68,38	4,24	6,16	11,00	7,20	5,70	8,99	11,85	13,24
94	UBND phường Long Hưng	94	Khá	66,20	66,20	3,70	5,97	12,98	6,53	6,74	6,43	11,19	12,66
95	UBND xã Đăk O'	95	Trung bình	57,68	57,68	3,65	2,16	13,97	6,98	5,84	4,64	9,78	10,67